

MỘT PHƯƠNG DIỆN ĐỔI MỚI TRONG QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT VỀ CON NGƯỜI CỦA VĂN XUÔI VIỆT NAM TỪ SAU 1975

NGUYỄN THỊ BÌNH

Đại học Sư phạm - ĐHQGHN

Hiện nay đã có khá nhiều ý kiến xem sự đổi mới của văn xuôi nước ta từ sau 1975 là xuất phát từ một qu an niệm mới về con người. Con người trong văn xuôi 1945 - 1975 gắn với kiểu tư duy sử thi được đánh giá chủ yếu theo quan điểm giai cấp (tính giai cấp được quy định sẵn, không phải như nó vốn có trong thực tế) và lý tưởng cộng đồng. Từ khoảng giữa thập kỷ tám mươi, văn xuôi hướng mạnh sang những nội dung thế sự - sinh hoạt, kiểu tư duy tiểu thuyết nổi lên, con người được nhìn nhận như những cá nhân có đời sống và số phận riêng phong phú. Bên cạnh tiêu chí giai cấp, xuất hiện tiêu chí nhân bản khi đánh giá giá trị cá nhân. Sự khám phá, thể hiện con người được mở ra trên nhiều bình diện, nhiều mối quan hệ, nhiều chiều kích. Các bình diện con người và lịch sử, con người và thế giới tâm linh, con người đời tư - đời thường, con người tự nhiên ... đều đạt được chiều sâu mới mẻ. Tuy vậy, chưa có bài viết nào tập trung phân tích cụ thể vào từng bình diện đó. Bài viết này chọn một bình diện: con người và thế giới tâm linh làm điểm nhận diện sự đổi mới của văn xuôi hiện nay.

Trong một thời gian rất dài, văn xuôi ta không chú ý đến đời sống tâm linh con người chỉ vì nó hiểu con người thiên về lý trí, ý chí. Mô hình "con người mới xã hội chủ nghĩa" theo lý thuyết thực tế là định ra con người "đã được biết trước" theo những quy luật tất yếu của cách mạng (chính điều này góp phần không nhỏ tạo sự khu biệt quá sâu sắc giữa văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975 với giai đoạn trước và với văn học hiện đại thế giới). Thế mà hầu hết các nhà văn lỗi lạc của nhân loại xưa nay đều xem con người như cái gì đầy bí ẩn, không thể biết hết. Lép Tônxtôi nói: "Một trong những điều dị đoan thông thường và phổ biến nhất là điều cho rằng mỗi con người chỉ có những tính cách nhất định, rằng thường chỉ có người tốt, độc ác, thông minh, ngu xuẩn, cương nghị, lãnh đạm v.v... Con người thường không như thế (...) Con người như những dòng sông: nước trong mọi con sông như nhau và ở đâu cũng thế cả, nhưng mỗi con sông khi thì hẹp, khi thì chảy xiết, khi thì rộng, khi thì êm đềm, khi thì trong veo, khi thì lạnh, khi thì đục, khi thì ấm ... [1]. M. Bakhtin, một trong những nhà nhân văn lớn nhất thế kỷ này cũng nêu tư tưởng tương tự: "Con người không thể hóa thân đến cùng vào cái thân xác xã hội - lịch sử hiện hữu, chẳng có hình hài nào có thể thể hiện được hết tất cả mọi khả năng và yêu cầu con người ở nó, chẳng có tư cách nào để nó có thể thể hiện cạn kiệt hết mình cho đến lời nói cuối cùng như nhân vật bị kịch hoặc sử thi, chẳng có khuôn hình nào để có thể rót nó vào đầy ắp mà lại không chảy tràn ra ngoài. Bao giờ cũng vẫn còn phần nhân tính dư thừa chưa được thể hiện" [2].

Quan sát khu vực văn xuôi tự sự ở nước ta hiện nay, chúng tôi thấy nhiều nhà văn đang cố gắng bỏ khuyết phần thiếu hụt, phần phiến diện trong quan niệm về con người bằng cách đào sâu vào thế giới tâm linh. Điều đó giống như là tạo ra những cơ hội, những khả năng, những điều kiện để "phần nhân tính dự thừa" mà M. Bakhtin nói tới được bộc lộ hết sự phong phú và bí ẩn của nó. Việc xem xét con người ở phần tâm linh sẽ đem đến các giá trị nhân văn mới, nâng văn học ta lên một trình độ nhận thức có tính phổ quát và giàu hơn ý nghĩa triết học nhân sinh. Người đọc dễ dàng nhận ra một hướng thú đặc biệt hướng về đời sống tâm linh ở các cây bút như Ma Văn Kháng, Nguyễn Trí Huân, Chu Lai, Bảo Ninh, Nguyễn Khải, Nguyễn Huy Thiệp, Lê Minh Khuê, Hồ Anh Thái và cả ở lớp người viết rất trẻ.

Nhưng tâm linh là gì? Rất khó tìm được một định nghĩa thật đầy đủ. Các nhà văn vốn không thích định nghĩa theo lối các nhà lý luận, nhưng qua tác phẩm, đôi khi họ đã tạo ra những nhân vật mà đời sống tâm linh mãnh liệt hơn rất nhiều so với đời sống ý thức bị chi phối bởi tính xã hội, tính công chức nhàm tẻ, cùn mòn, cứng nhắc (như nhân vật Kiên trong *Nỗi buồn chiến tranh*, Quy trong *Chim én bay*, Hai Hùng trong *Ấn mây dĩ vãng*, Liên trong *Mùa hoa loa kèn*, sư già trong *Sư già chùa Thắm và ông đại tá về hưu*, Tự trong *Đám cưới không có giấy giá thú* v.v...). Tâm linh có thể có sự tham gia của ý thức, nhưng thường là với một vai trò không thật rõ rệt. Toàn bộ cái đời sống bên trong gắn liền với tín ngưỡng, niềm tin vào những thế lực siêu hình cùng các mối quan hệ bí ẩn của con người, những sức mạnh thuộc về "linh giác", "trực cảm", những khả năng kỳ lạ khoa học chưa giải thích được nhưng có thể diễn tả bằng nghệ thuật, những xúc cảm về các linh thiêng cùng những khoảnh khắc vụt sáng của toàn bộ tâm thức như có sự mách bảo của một nhà thông thái vô hình, phải chăng đó là tâm linh? Nguyễn Minh Châu đã có lần ghi vào nhật ký: "hình như có một đấng Chí tôn nào đó cầm tay dắt cho tôi đi qua hết cái khổ, cái nhục vô cùng của những đời người, những kiếp người" [3]. Và chính là sự nhạy cảm tâm linh đã xui khiến ông tìm kiếm cho được một cách nhìn thấu hiểu, độ lượng hơn về con người, giúp ông trở thành một trong những người mở đường "tinh anh và tài năng nhất". Có thể xem toàn bộ sáng tác của ông từ tập *Bến quê* trở đi là một sự nỗ lực không mệt mỏi để rũ bỏ tư tưởng về "tính chất kỳ lạ của con người" mà ông thức nhận: "Con người bất tin ước về nhân vật của Đôtxtôiépki, không bao giờ phù hợp với chính mình. Và cuộc đời thực của cá nhân dường như diễn ra ở điểm không phù hợp" [3]. Lúc đầu, ông đã không được hiểu đúng, người ta thấy nhân vật của ông "lạ lẫm", "đị biệt", nhưng càng về sau, bạn viết và bạn đọc càng thấy tầm quan trọng trong bước thử nghiệm của ông đối với sự nghiệp đời mới văn học. Trong các nhân vật "lạ lẫm", "đị biệt" ông "trình làng", có người đã biểu hiện mình chủ yếu qua cuộc sống tâm linh, hành động của họ ít tuân thủ những chuẩn mực thông thường nên người đời coi họ như bị chứng "mộng du" hay "lầm cảm". Thực tế, cô Quy (*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*) giác ngộ chân lý trong tình trạng mộng du - bởi cô chỉ sống bằng tâm tưởng. Còn bác Thông (*Sống mãi với cây xanh*), che giấu bên trong cái vẻ lầm cảm của mình, khả năng giao cảm kỳ diệu với cây cối và đất cát. Chính những con người như vậy, bằng sức mạnh tâm cảm đã nhắc nhở chúng ta nhớ đến nguy cơ đánh mất sự hài hòa của đời sống trong guồng quay mãnh liệt của cuộc sống đô thị thời hiện đại, có khi rơi vào sai lầm chết người do không hiểu tự nhiên, coi thường quy luật tự nhiên.

Đến Nguyễn Huy Thiệp, thì nỗi lo về tình trạng nghèo nàn nhân tính do xu hướng xã hội hóa con người, do coi nhẹ tự nhiên đã trở thành một ám ảnh thường xuyên. Theo anh,

nguyên tắc sống đầu tiên là "vô sự với tạo hóa", tức là phải "biết sợ", phải nhận thức được cái hữu hạn của kiếp người. Con người ý chí đối diện với tự nhiên bằng khát vọng chinh phục, còn con người tâm linh nhận biết ở tự nhiên những sức mạnh không gì chiến thắng nổi. Anh chế giễu cay độc loại "khoa học giả cây", "sự ngu dốt của bọn có học" chỉ vì bọn này không bao giờ có đời sống tâm linh. Anh ca ngợi những người lao động thuần phác, nhờ gắn bó với đất đai, đồng quê, sông núi mà tâm hồn luôn được thanh lọc và nhân tính được bảo tồn (quan niệm của anh rất gần với tác giả bộ tiểu thuyết *Trở về Eden* nổi tiếng thế giới: "Chính ở nơi mênh mông hoang vắng ấy, Stéphany đã học được nghệ thuật ẩn mình vào sự cô đơn tuyệt đối, mà đó là cánh tay duy nhất để con người có thể nghe thấy được những tiếng nói thần bí, báo trước những bí mật của cuộc đời" [4]). Nguyễn Huy Thiệp thường diễn tả cảm giác cô đơn, rợn ngợp như một lời cảnh báo trước thói ảo tưởng tẻ hại cùng những dục vọng sôi sục của con người: "Đêm xuống, trên gò trắng sao chi chít. Tôi bỗng hoảng hốt y hệt buổi chiều khi ráng mờ gà đột nhiên phản chiếu, tôi nhận ra thế giới bao la vô cùng vô tận, bản thân tôi sự sống và ngay cả cái chết đều là nhỏ bé và không ý nghĩa gì". Tuy vậy, anh hoàn toàn không phải là người bi quan. Anh biết con người có sức mạnh. Sức mạnh đó được bảo tồn trong khả năng hòa đồng với tự nhiên nhờ vào sự miễn cảm của tâm linh. Anh không viết về thiên nhiên như một thủ pháp thuần túy của "phép biện chứng tâm hồn" mà như sự kiếm tìm một giải pháp tích cực cho đời sống đạo đức: "Sấm nổ vang trời. Chớp lóe sáng. Vũ trụ mở ra vô cùng tận (...) tôi tin chắc ở lực lượng siêu việt bên trên tôi kia, đang chuyển vận rầm rộ kia, thấu hiểu tất cả, phân minh lắm, rạch ròi lắm, chắc chắn bảo dưỡng tính thiện trong tâm linh con người, có khả năng an ủi, âu yếm đến từng số phận". Nhiều nhân vật của anh tựa vào bản thể tự nhiên, cảm nhận bằng tâm linh trong khi đi tìm một cách ứng xử cho cuộc sống.

Có một quy luật tâm lý thường thấy là khi con người thất bại hoặc khủng hoảng niềm tin, nó tìm về thế giới tâm linh để tự cân bằng cuộc sống, để giữ cho mình không sa vào tội ác hay những hành động ngu xuẩn. Đó chính là con đường hành trình bên trong, con đường "tìm kiếm chính mình" diễn ra ở các nhân vật của *Nỗi buồn chiến tranh*, *Án mây dĩ vãng*, *Dám cưới không có giấy giá thú*... Thất vọng trước thực tại đầy phi lý, bất công thời hậu chiến: "bờ cõi nổi liền nhưng lòng người chia hai", "thời buổi tham những đầy trời", Hai Hùng chỉ còn cách "lội ngược dòng quá khứ" để tìm lại một điểm tựa tinh thần đã từng nâng đỡ mình và cả thế hệ mình: "cuộc đời một thằng lính già còn có gì khác là không người hướng về dĩ vãng, cầu mong cho cái dĩ vãng đó luôn luôn trong lành, chân thật". Nhà văn Kiên [6] cũng thế, mang nặng nỗi day dứt nhức nhối vì "cuộc sống tâm thường và tẻ nhạt của thời hậu chiến", anh chìm vào những ám ảnh tâm linh: "thì ra cuộc đời tôi kỳ thực có khác nào con thuyền bơi ngược dòng sông không ngừng bị đẩy lui về dĩ vãng. Đối với tôi tương lai đã nằm lại ở phía sau xa kia rồi. Và không phải là cuộc sống mới, thời đại mới, không phải là những hy vọng về tương lai tốt đẹp đã cứu giúp tôi, mà trái lại, những tấn thảm kịch của quá khứ đã nâng đỡ tâm hồn tôi, tạo sức mạnh tinh thần cho tôi thoát khỏi vô tận những tấn trò đời hôm nay. Chút lòng tin và ham sống còn lại trong tôi không phải do những ảo tưởng mà là nhờ vào sức mạnh của những hồi tưởng". Trong vô số hồi tưởng, anh thấy người chết hiện về, lên tiếng nói. Người cựu binh ấy không bao giờ vô ơn với quá khứ, luôn luôn đặt mình đối diện với quá khứ, với đồng đội đã "nằm lại gác rừng le" để mà hoàn thiện nhân cách cá nhân mình. Đáng tiếc là vẻ đẹp của đời sống tâm linh, khát vọng tự hoàn thiện

ần chứa trong đó, đã không được một số người chia sẻ!

Trong nhiều trường hợp, sự mách bảo bí ẩn của tâm linh giúp con người vượt qua cả thiên kiến giai cấp, hành động như là tuân theo tiếng gọi của nhân tính vĩnh hằng. Đó là trường hợp Quy (*Chim én bay*) trở thành chiến sĩ cách mạng quả cảm trong lòng mang nặng thù nhà, thế mà cứ "mỗi lần diệt xong một tên ác ôn trở về chị đều đỡ đỡ, cảm thấy day dứt, một sự day dứt không có lý lẽ nào có thể xoa dịu được". Ra khỏi cuộc chiến tranh với tư cách là người thắng, chị hoàn toàn bị mất đi sự yên tĩnh của tâm hồn. Chị không hối hận vì con đường đã chọn "Bây giờ nếu phải làm lại, chị cũng sẽ không một chút phân vân do dự". Nhưng nhân tính dày vò chị, buộc chị nghĩ nhiều đến hoàn cảnh biến con người thành tàn bạo, chị nghĩ tới vợ con những tên ác ôn ... Sự ám ảnh tâm linh như vậy, rõ ràng mở ra phương diện sâu thẳm của vẻ đẹp con người, nó cho thấy ở các "con người bên trong con người" luôn luôn ẩn hiện một khát vọng mãnh liệt hướng về sự hoàn thiện, toàn mỹ. Đó mới là niềm tin thật sự nhân bản và mạnh mẽ-mà văn học tìm thấy ở con người.

Sự khám phá đời sống tâm linh tất yếu sẽ đụng chạm đến vấn đề tôn giáo. Văn học ta trước 1975 chỉ đi tìm những biểu hiện chứng minh cho quan điểm "tôn giáo là liều thuốc phiện" đầu độc con người. trên bình diện nhận thức và đấu tranh giai cấp, chúng ta dường như đặt tôn giáo sang phía đối lập với chủ nghĩa xã hội mà không cần nghiên cứu nó từ bản chất. Bây giờ khi đời sống tâm linh đã được mở ra với sức mạnh và giá trị nhân văn không thể chối cãi, thì tôn giáo sẽ được công nhận như một nhu cầu tinh thần chính đáng (tất nhiên là nhu cầu của từng người). Chúng tôi nghĩ rằng đây chính là phương hướng tư tưởng của Nguyễn Khải khi ông trở lại với chủ đề tôn giáo trong những sáng tác từ năm 1980 trở đi. Nghiên cứu tính chất phức tạp, kỳ diệu của con người, Nguyễn Khải đưa ra nhận định đầy sức thuyết phục: "Tôi vẫn suy ngẫm rằng con người là một sinh vật không bao giờ tự hạn chế trong những cơ cấu sinh lý. Luôn luôn nó muốn vươn tới cái tuyệt đối, cái vô biên, cái vĩnh cửu là những mục tiêu mãi mãi con người không đạt tới. Vì không thể đạt tới nên nó gặm thết và than thở qua thi ca, qua nghệ thuật và tôn giáo. Trong những lĩnh vực siêu nhiên này, con người đã tạo ra bằng chính nó và cho nó một hình ảnh lý tưởng về thượng đế, về đấng sáng tạo ra vạn vật, về vũ trụ, về vĩnh cửu, thoát khỏi những chiều kích thông thường về không gian và thời gian. Bảo rằng tôn giáo sinh ra do bạc nhược và ngu dốt chỉ đúng có một phần. Tôn giáo cũng sẽ sinh ra như một chúa tể, tôn giáo sẽ biểu hiện như một thăng hoa chứ không còn là một công cụ đe dọa và áp bức. Nó sẽ thuộc phạm trù văn hóa chứ không còn thuộc phạm trù quyền lực như hiện tại. Phải xóa bỏ quyền lực của tôn giáo để nó trở thành bạn đồng hành của sáng tạo, của nghệ thuật" [6]. Nguyễn Khải đã trình bày trong tác phẩm của mình những nhân vật thật đẹp để nhờ ánh sáng của một đức tin tôn giáo (ví dụ cha Vinh, sư già chùa Thắm).

Nói tóm lại, việc khám phá sâu vào lĩnh vực tâm linh bí ẩn không cùng của con người chính là xuất phát từ một quan niệm mới về đời sống, từ cách nhìn đa dạng, nhiều chiều về con người, từ ý muốn khám phá con người ở nhiều thang bậc giá trị, ở những mối quan hệ phong phú, qua đó đề xuất những chuẩn mực đánh giá con người hợp tự nhiên và nhân bản hơn nhằm đem lại cho văn học khả năng chiếm lĩnh đời sống phong phú. Đó cũng là một trong những cái mới, cái khác của văn xuôi hiện nay so với với giai đoạn trước.

Tóm tắt: Đổi mới quan niệm nghệ thuật về con người là cơ sở của sự đổi mới văn xuôi từ sau 1975. Bình diện đời sống tâm linh là một trong những khía cạnh quan trọng của quan niệm

con người, có nhiều khám phá tích cực, đạt tới chiều sâu và sự độc đáo. Khám phá bình diện này, văn xuôi mở ra khả năng chiếm lĩnh hiện thực phong phú, rộng lớn, góp phần xây dựng một chủ nghĩa nhân văn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hải Hà - Thi pháp tiểu thuyết L. Tônxtôi, NXB Giáo dục, 1992.
2. Bakhtin - Lý luận và thi pháp tiểu thuyết, Bộ Văn hóa thông tin và thể thao cùng Trường viết văn Nguyễn Du xuất bản, 1992.
3. Nguyễn Minh Châu - Tính chất kỳ lạ của con người, Báo Văn nghệ số 15, 1990.
4. Rôsalind Miles - Trở về Eden, NXB Hà Nội, 1993.
5. Nhân vật của tiểu thuyết *Án mây đi vắng* (Chu Lai), NXB Hội nhà văn, 1992.
6. Tiểu thuyết *Thời gian của người*, NXB Tác phẩm mới, 1983.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC. SCI., t.XI, n°3, 1995

INNOVATION IN ART CONCEPTION ABOUT PEOPLE IN VIETNAMESE PROSE SINCE 1975

NGUYEN THI BINH

Teacher's Training College - VNU

Innovation in art conception about people is a basis of prose innovation after 1975. The internal life is an important character in personal understanding. Discovering this plane, prose has opened the possibility to occupy the great and prosperous reality for establishing a new humanism.